

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;  
Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ các Luật thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 54499/QĐ-CTHN ngày 04/10/2024 của Cục Trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn;

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế ký ngày 30/12/2024 giữa Công ty cổ phần Vinafco và Đoàn thanh tra theo Quyết định số 53026/QĐ-CTHN-TTKT1 ngày 26/09/2024 của Cục thuế TP Hà Nội về việc thanh tra tại Công ty cổ phần Vinafco;

Căn cứ Kết luận thanh tra số 10099/KL-CTHN-TTKT1 ngày 31/12/2024;  
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Thanh tra kiểm tra số 1 – Cục Thuế TP Hà Nội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần Vinafco;

Mã số thuế: 0100108504;

Địa chỉ: Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Công ty cổ phần Vinafco có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108504 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2001, thay đổi lần thứ 31 ngày 01/7/2024.

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Minh Hưng      Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:





- Về Thuế GTGT: Công ty đã kê khai thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện khấu trừ, kê khai khấu trừ các hoá đơn mua vào không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về Thuế TNDN: Công ty hạch toán và kê khai các chi phí không được trừ theo quy định.

- Về thuế TNCN: Công ty kê khai thuế TNCN đối với các khoản giảm trừ gia cảnh cho cá nhân không đúng quy định.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

- Về Thuế GTGT: vi phạm quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Về Thuế TNDN: vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Về thuế TNCN: vi phạm quy định tại Điểm g.4 Khoản 1 Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Xử phạt vi phạm hành chính về thuế:

- Phạt tiền (TM4254): 611,007,477 đồng đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp, mức xử phạt 20% trên số thuế truy thu qua kiểm tra theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Phạt tiền (TM4268): 12,483,925 đồng đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế TNCN phải nộp, mức xử phạt 20% trên số thuế truy thu qua kiểm tra theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Yêu cầu Công ty nộp đủ tổng số tiền thuế truy thu qua thanh tra, số tiền: 3,117,457,006 đồng. Trong đó:

+ Thuế GTGT số tiền 888,248,105 đồng (Năm 2022: 554,701,251 đồng, Năm 2023: 333,546,854 đồng).

+ Thuế TNDN số tiền 2,166,789,278 đồng (Năm 2022: 1,393,898,842 đồng, Năm 2023: 772,890,436 đồng).

+ Thuế TNCN số tiền 62,419,623 đồng (Năm 2022: 33,902,376 đồng, Năm 2023: 28,517,247 đồng).





- Tiền chậm nộp, số tiền: 541,680,482 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế. Cụ thể:

- + Tiền chậm nộp thuế GTGT (TM 4931), số tiền: 200,998,174 đồng
- + Tiền chậm nộp thuế TNDN (TM 4918), số tiền: 331,810,208 đồng
- + Tiền chậm nộp thuế TNCN (TM 4917), số tiền: 8,872,100 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 31/12/2024. Yêu cầu Công ty cổ phần Vinafco tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 4,282,628,889 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Công ty cổ phần Vinafco có trách nhiệm nộp ngay số tiền thuế truy thu, tiền phạt vào Ngân sách Nhà nước và tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2024.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Bùi Minh Hưng là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty cổ phần Vinafco phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần Vinafco không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Vinafco phải nộp tiền phạt quy định tại Điều 1 vào tài khoản số 7111 của Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội (cơ quan quản lý thu: Cục Thuế TP Hà Nội) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Công ty cổ phần Vinafco có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra số 1; Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra số 5; Phòng Kế khai và kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện. / 2

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT1(03). 



Nguyễn Hồng Thái